

Số: 26/2022/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 29 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào vụ án Dân sự thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/01/2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm: 1982, địa chỉ: Làng L, xã I, huyện Đ, tỉnh G.

- Bị đơn: Chị Văn Thị S, sinh năm 1986, địa chỉ: Làng L, xã I, huyện Đ, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H1 giải th2nh ngày 21 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H1 giải th2nh ngày 21 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H1 giải th2nh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Trung T và chị Văn Thị S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Trung T và chị Văn Thị S công nhận vợ chồng anh chị có 03 con chung tên là: Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 25/02/2005; Nguyễn Thị Thu H2, sinh ngày 27/8/2006 và Nguyễn Thu H3, sinh ngày 23/3/2014.

Nguyện vọng của cháu H1 mong muốn được sống cùng chị S. Nguyện vọng của cháu H2 và cháu H3 đều mong muốn được sống cùng anh T.

Giao cháu Nguyễn Thị Thu H1 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giao 02 cháu Nguyễn Thị Thu H2 và Nguyễn Thu H3 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Trung T và chị Văn Thị S thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Trung T và chị Văn Thị S được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, anh Nguyễn Trung T và chị Văn Thị S đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Trung T và chị Văn Thị S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí thuận tình ly hôn là: 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Trung T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006612 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi H2nh án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Hoàn trả lại cho anh T số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban H2nh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi H2nh theo quy định tại Điều 2 Luật thi H2nh án dân sự thì người được thi H2nh án dân sự, người phải thi H2nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H2nh án, quyền yêu cầu thi H2nh án, tự nguyện thi H2nh án hoặc bị cưỡng chế thi H2nh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi H2nh án dân sự; Thời hiệu thi H2nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H2nh án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã , huyện K, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN